TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2022
V/v "Yêu cầu xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Công Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị T – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 09 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án Nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về *"Yêu cầu xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Trần Thị Thanh T – Sinh năm: 1987*
Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Có mặt.
- Bị đơn: *Anh Nguyễn Thành M – Sinh năm: 1985*
Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T tại phiên tòa như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành M có thời gian tìm hiểu, đến năm 2007 chị và anh M tự nguyện xây dựng gia đình với nhau. Có ĐKKH tại UBND xã Phước Nam, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 11/6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại quê chồng ở Ninh Thuận, cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ khi chị mang thai đứa con thứ hai anh M thường uống rượu, không chịu lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, về nhà đánh đập vợ con. Cho đến năm 2016 vợ chồng thống nhất về quê của chị ở thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên sinh sống. Sau khi về quê chị ở, anh M vẫn chứng nào tật ấy, ngày

càng ăn chơi nhiều hơn, một mình chị phải lo toan vất vả để nuôi cả gia đình. Cho đến tháng 9/2021 anh M uống rượu về đánh vợ con, đập phá nhà cửa của anh trai chị cho vợ chồng chị ở nhờ và nhà của anh trai chị. Sau đó công an mời anh M đến làm việc, sau khi Công an làm việc thì anh M bỏ đi về phía cha mẹ anh M ở Ninh Thuận không quay về nhà cho đến nay. Sau khi anh M bỏ đi, chị có điện thoại nói anh M về để giải quyết ly hôn, anh M thống nhất ly hôn nhưng anh M nói không về, bảo chị làm đơn xin Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương, không có ý kiến gì. Nay chị nhận thấy rằng, tình cảm giữa chị và anh M thật sự không còn. Sống chung với anh M không có hạnh phúc, lúc nào mẹ con chị cũng sống trong lo sợ vì anh M uống rượu về là đánh đập, quậy phá. Do vậy, chị mong Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Chị và anh M có 03 con chung: Nguyễn Trần Thu T – sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Trần Thanh R – sinh ngày 27/01/2014 và Nguyễn Trần D – sinh ngày 27/3/2019. Cả 03 con hiện nay đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Thành M để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh M không đến Tòa để làm việc.

**** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Riêng bị đơn anh Nguyễn Thành M không thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Nguyễn Trần Thu T – sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Trần Thanh R – sinh ngày 27/01/2014 và Nguyễn Trần D – sinh ngày 27/3/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn) án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Thanh T có đơn khởi kiện về việc: "Yêu cầu xin ly hôn" với anh Nguyễn Thành M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Thành M có địa chỉ tại thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án thực hiện đầy đủ việc tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh M có thời gian tìm hiểu, xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có ĐKKH tại UBND Phước Nam, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 11/6/2007. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ khi chị T mang thai đứa con thứ hai anh M thường uống rượu, không chịu lo làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, về nhà đánh đập vợ con. Một mình chị T phải lo toan vất vả để nuôi cả gia đình. Đến 9/2021 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, anh M bỏ đi về phía cha mẹ anh M ở Ninh Thuận không quay về nhà cho đến nay. Sau khi anh M bỏ đi, chị T có điện thoại trao đổi với anh M về để giải quyết ly hôn, anh M thống nhất ly hôn nhưng cố tình trốn tránh không về. Ngày 16/02/2022 Tòa án đã tiến hành xác M tại Công an xã Đ, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ và nơi anh M đăng ký hộ khẩu thường trú thì anh M vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại thôn 3, xã Đ, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên nhưng hiện nay anh M không có mặt tại địa phương. Anh M đi từ thời gian nào, hiện làm gì và ở đâu Công an xã Đ không rõ vì anh M không thuộc đối tượng theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh M không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M.

[3]. Về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung: Nguyễn Trần Thu T – sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Trần Thanh R – sinh ngày 27/01/2014 và Nguyễn Trần D – sinh ngày 27/3/2019, hiện chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được nuôi 03 con chung, mặc khác tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của cháu R, cháu T đều có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu D còn nhỏ mới hơn 36 tháng tuổi. Do vậy, giao 03 cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí HNGĐ - ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T.**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Thành M.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thu T – sinh ngày 23/11/2007; Nguyễn Trần Thanh R – sinh ngày 27/01/2014 và Nguyễn Trần D – sinh ngày 27/3/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng chẵn)* án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số 0000529 ngày 11/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thành M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Trung

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- UBND xã Đ, Đồng Xuân;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.